

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 847/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 21/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 05/06/12/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Đỗ Tuấn Anh	22/04/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG004861	CNTT/20/4890	Đạt	
2	CNTT02	Nguyễn Tuấn Anh	15/04/1998	Hưng Yên	Nam	Kinh	5.5	6.5	DBG004862	CNTT/20/4891	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Ngọc Ánh	12/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	7.0	DBG004863	CNTT/20/4892	Đạt	
4	CNTT05	Nguyễn Mạnh Dương	08/12/1997	Hải Dương	Nam	Kinh	5.0	6.0	DBG004864	CNTT/20/4893	Đạt	
5	CNTT06	Hoàng Văn Đạt	05/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	9.5	DBG004865	CNTT/20/4894	Đạt	
6	CNTT08	Đinh Thu Hà	15/10/1999	Ninh Bình	Nữ	Kinh	7.2	7.0	DBG004866	CNTT/20/4895	Đạt	
7	CNTT09	Nguyễn Thu Hằng	11/06/1999	Hà Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.5	DBG004867	CNTT/20/4896	Đạt	
8	CNTT10	Trần Thị Thu Hằng	07/04/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9.2	7.5	DBG004868	CNTT/20/4897	Đạt	
9	CNTT11	Vũ Thị Hiền	25/04/1999	Ninh Bình	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG004869	CNTT/20/4898	Đạt	
10	CNTT13	Đặng Quang Huy	25/03/1998	Hưng Yên	Nam	Kinh	6.7	5.0	DBG004870	CNTT/20/4899	Đạt	
11	CNTT14	Lâm Quốc Huy	24/08/2000	Thái Bình	Nam	Kinh	5.5	6.5	DBG004871	CNTT/20/4900	Đạt	
12	CNTT15	Nguyễn Thị Huyền	18/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.5	6.0	DBG004872	CNTT/20/4901	Đạt	
13	CNTT18	Tạ Văn Khu	27/08/1999	Hải Dương	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG004873	CNTT/20/4902	Đạt	
14	CNTT20	Trần Đình Long	01/11/1998	Hà Nội	Nam	Kinh	6.7	7.0	DBG004874	CNTT/20/4903	Đạt	
15	CNTT21	Nguyễn Đình Lộc	24/10/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG004875	CNTT/20/4904	Đạt	
16	CNTT22	Trần Thị Hương Mai	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	DBG004876	CNTT/20/4905	Đạt	
17	CNTT28	Nguyễn Tuấn Tú	08/12/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.2	5.0	DBG004877	CNTT/20/4906	Đạt	
18	CNTT30	Dương Văn Công	12/02/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	7.0	DBG004878	CNTT/20/4907	Đạt	
19	CNTT31	Dương Vương Cường	11/06/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.5	DBG004879	CNTT/20/4908	Đạt	
20	CNTT32	Nguyễn Trung Diễm	20/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	8.0	DBG004880	CNTT/20/4909	Đạt	
21	CNTT33	Nguyễn Xuân Diệu	10/08/1986	Thái Bình	Nam	Kinh	7.7	7.0	DBG004881	CNTT/20/4910	Đạt	
22	CNTT34	Nguyễn Thị Thùy Dung	13/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	DBG004882	CNTT/20/4911	Đạt	
23	CNTT35	Hoàng Công Hà	02/01/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	8.0	DBG004883	CNTT/20/4912	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT36	Trần Thị Hạnh	02/11/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	8.5	DBG004884	CNTT/20/4913	Đạt	
25	CNTT37	Nguyễn Thị Hằng	26/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	DBG004885	CNTT/20/4914	Đạt	
26	CNTT39	Giáp Thị Hậu	24/09/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.5	DBG004886	CNTT/20/4915	Đạt	
27	CNTT40	Lương Thị Út	08/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	8.0	DBG004887	CNTT/20/4916	Đạt	
28	CNTT41	Tạ Thị Hoàn	21/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.5	DBG004888	CNTT/20/4917	Đạt	
29	CNTT43	Đỗ Văn Hùng	25/09/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	9.0	DBG004889	CNTT/20/4918	Đạt	
30	CNTT44	Nguyễn Quỳnh Hương	25/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	DBG004890	CNTT/20/4919	Đạt	
31	CNTT45	Hoàng Văn Khanh	13/08/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	7.5	DBG004891	CNTT/20/4920	Đạt	
32	CNTT46	Nguyễn Thùy Linh	30/07/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.5	DBG004892	CNTT/20/4921	Đạt	
33	CNTT47	Nguyễn Văn Linh	10/06/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	8.0	DBG004893	CNTT/20/4922	Đạt	
34	CNTT51	Nguyễn Việt Nam	02/10/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	8.0	DBG004894	CNTT/20/4923	Đạt	
35	CNTT52	Hoàng Thị Nga	01/02/1990	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	8.7	6.5	DBG004895	CNTT/20/4924	Đạt	
36	CNTT55	Lê Văn Quý	12/02/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	8.0	DBG004896	CNTT/20/4925	Đạt	
37	CNTT56	Tạ Quang Thọ	22/10/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	8.0	DBG004897	CNTT/20/4926	Đạt	
38	CNTT57	Nguyễn Thị Minh An	05/10/1976	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	DBG004898	CNTT/20/4927	Đạt	
39	CNTT58	Lê Thị Vân Anh	25/03/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	DBG004899	CNTT/20/4928	Đạt	
40	CNTT59	Nguyễn Thị Thanh Bình	15/10/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	DBG004900	CNTT/20/4929	Đạt	
41	CNTT60	Lò Thị Duyên	15/06/1989	Điện Biên	Nữ	Thái	7.5	6.5	DBG004901	CNTT/20/4930	Đạt	
42	CNTT61	Đào Thu Hà	05/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.7	7.5	DBG004902	CNTT/20/4931	Đạt	
43	CNTT62	Nguyễn Thị Hải	20/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	6.5	DBG004903	CNTT/20/4932	Đạt	
44	CNTT63	Nguyễn Văn Hải	24/10/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	DBG004904	CNTT/20/4933	Đạt	
45	CNTT64	Ngô Đức Hoàng	15/11/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	6.5	DBG004905	CNTT/20/4934	Đạt	
46	CNTT65	Nguyễn Văn Hùng	22/08/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	6.0	DBG004906	CNTT/20/4935	Đạt	
47	CNTT66	Ngô Thị Huyền	27/01/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	DBG004907	CNTT/20/4936	Đạt	
48	CNTT67	Lê Thị Hương	12/06/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.5	DBG004908	CNTT/20/4937	Đạt	
49	CNTT69	Bùi Thị Hường	20/06/1983	Hải Dương	Nữ	Kinh	7.2	7.0	DBG004909	CNTT/20/4938	Đạt	
50	CNTT71	Lê Hồng Khang	01/09/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.7	7.0	DBG004910	CNTT/20/4939	Đạt	
51	CNTT73	Hoàng Thị Thùy Linh	20/11/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	6.5	DBG004911	CNTT/20/4940	Đạt	
52	CNTT74	Phan Thị Diệu Linh	04/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9.2	7.5	DBG004912	CNTT/20/4941	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT76	Trần Thị Lý	28/11/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	DBG004913	CNTT/20/4942	Đạt	
54	CNTT79	Nguyễn Tiến Ngọc	21/08/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	DBG004914	CNTT/20/4943	Đạt	
55	CNTT80	Võ Thị Ánh Ngọc	24/06/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	DBG004915	CNTT/20/4944	Đạt	
56	CNTT83	Phạm Thị Yên Nhi	07/05/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	6.0	DBG004916	CNTT/20/4945	Đạt	
57	CNTT84	Diêm Thị Hoàng Anh	13/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	7.5	DBG004917	CNTT/20/4946	Đạt	
58	CNTT85	Dương Thị Kim Anh	08/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	7.0	DBG004918	CNTT/20/4947	Đạt	
59	CNTT86	Dương Thị Việt Anh	30/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	DBG004919	CNTT/20/4948	Đạt	
60	CNTT87	Nguyễn Duy Anh	09/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.5	DBG004920	CNTT/20/4949	Đạt	
61	CNTT88	Nguyễn Hoàng Anh	05/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	7.0	DBG004921	CNTT/20/4950	Đạt	
62	CNTT89	Trần Thị Như	04/11/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	DBG004922	CNTT/20/4951	Đạt	
63	CNTT94	Thân Văn Quang	27/07/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	8.0	DBG004923	CNTT/20/4952	Đạt	
64	CNTT95	Trần Thị Quyên	15/04/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	DBG004924	CNTT/20/4953	Đạt	
65	CNTT96	Nguyễn Thu Thanh	03/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.5	DBG004925	CNTT/20/4954	Đạt	
66	CNTT98	Vũ Trung Thành	05/06/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	7.0	DBG004926	CNTT/20/4955	Đạt	
67	CNTT101	Đinh Thị Thu Thùy	17/06/1983	Tuyên Quang	Nữ	Tày	7.5	7.0	DBG004927	CNTT/20/4956	Đạt	
68	CNTT102	Nguyễn Văn Thư	02/03/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.7	6.5	DBG004928	CNTT/20/4957	Đạt	
69	CNTT103	Đặng Văn Tính	05/02/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	6.5	DBG004929	CNTT/20/4958	Đạt	
70	CNTT104	Nguyễn Thị Thu Trang	24/01/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	DBG004930	CNTT/20/4959	Đạt	
71	CNTT106	Trịnh Thanh Tùng	14/01/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.5	DBG004931	CNTT/20/4960	Đạt	
72	CNTT107	Nguyễn Thanh Tuyền	23/10/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.7	7.0	DBG004932	CNTT/20/4961	Đạt	
73	CNTT108	Nguyễn Quốc Vịnh	16/08/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	7.0	DBG004933	CNTT/20/4962	Đạt	
74	CNTT110	Dương Thị Huệ Anh	04/04/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.2	7.0	DBG004934	CNTT/20/4963	Đạt	
75	CNTT111	Nguyễn Thị Hải Anh	29/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG004935	CNTT/20/4964	Đạt	
76	CNTT112	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.0	DBG004936	CNTT/20/4965	Đạt	
77	CNTT113	Nguyễn Tuấn Anh	06/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG004937	CNTT/20/4966	Đạt	
78	CNTT114	Ngô Thị Ánh	11/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	DBG004938	CNTT/20/4967	Đạt	
79	CNTT115	Nguyễn Ngọc Ánh	12/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.0	DBG004939	CNTT/20/4968	Đạt	
80	CNTT116	Đỗ Xuân Bắc	15/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG004940	CNTT/20/4969	Đạt	
81	CNTT117	Nguyễn Văn Bằng	06/05/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.5	DBG004941	CNTT/20/4970	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
82	CNTT118	Nguyễn Thị Hòa Bình	16/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.0	DBG004942	CNTT/20/4971	Đạt	
83	CNTT120	Diêm Thị Thùy Chang	29/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	DBG004943	CNTT/20/4972	Đạt	
84	CNTT121	Nguyễn Minh Châu	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG004944	CNTT/20/4973	Đạt	
85	CNTT122	Nguyễn Thị Chí	04/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.5	DBG004945	CNTT/20/4974	Đạt	
86	CNTT123	Nguyễn Ngọc Chiêu	21/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.0	DBG004946	CNTT/20/4975	Đạt	
87	CNTT124	Nguyễn Thị Chúc	18/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.0	DBG004947	CNTT/20/4976	Đạt	
88	CNTT125	Đỗ Văn Chung	13/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	DBG004948	CNTT/20/4977	Đạt	
89	CNTT126	Nguyễn Văn Chung	13/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG004949	CNTT/20/4978	Đạt	
90	CNTT127	Nguyễn Tấn Dũng	04/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	DBG004950	CNTT/20/4979	Đạt	
91	CNTT128	Đỗ Mạnh Duy	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	DBG004951	CNTT/20/4980	Đạt	
92	CNTT129	Nguyễn Đình Đạt	27/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG004952	CNTT/20/4981	Đạt	
93	CNTT130	Phạm Văn Đạt	09/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG004953	CNTT/20/4982	Đạt	
94	CNTT131	Trần Thị Định	20/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	DBG004954	CNTT/20/4983	Đạt	
95	CNTT132	Trần Văn Độ	06/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG004955	CNTT/20/4984	Đạt	
96	CNTT133	Nguyễn Thị Lan Hương	05/10/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	7.0	DBG004956	CNTT/20/4985	Đạt	
97	CNTT134	Nguyễn Thị Mai	11/12/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	DBG004957	CNTT/20/4986	Đạt	
98	CNTT135	Trần Thị Huyền Trang	08/08/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.7	7.0	DBG004958	CNTT/20/4987	Đạt	
99	CNTT136	Nguyễn Thị Trinh	06/08/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	7.0	DBG004959	CNTT/20/4988	Đạt	
100	CNTT137	Nguyễn Văn Được	07/09/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG004960	CNTT/20/4989	Đạt	
101	CNTT138	Giáp Thị Hương Giang	02/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	DBG004961	CNTT/20/4990	Đạt	
102	CNTT139	Dương Ngọc Hà	18/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	DBG004962	CNTT/20/4991	Đạt	
103	CNTT140	Nguyễn Thị Hà	12/10/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	DBG004963	CNTT/20/4992	Đạt	
104	CNTT141	Tạ Thị Hà	24/01/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	DBG004964	CNTT/20/4993	Đạt	
105	CNTT142	Nguyễn Thị Hạ	20/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	6.0	DBG004965	CNTT/20/4994	Đạt	
106	CNTT143	Nguyễn Văn Hải	10/06/2003	Bình Dương	Nam	Kinh	5.2	5.0	DBG004966	CNTT/20/4995	Đạt	
107	CNTT144	Nguyễn Văn Hải	15/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG004967	CNTT/20/4996	Đạt	
108	CNTT145	Đoàn Bá Hào	09/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	DBG004968	CNTT/20/4997	Đạt	
109	CNTT146	Nguyễn Thị Hằng	23/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG004969	CNTT/20/4998	Đạt	
110	CNTT147	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	DBG004970	CNTT/20/4999	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
111	CNTT148	Đỗ Văn Hậu	05/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG004971	CNTT/20/5000	Đạt	
112	CNTT149	Lê Thị Hiên	10/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	DBG004972	CNTT/20/5001	Đạt	
113	CNTT150	Đàm Văn Hiên	27/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.0	DBG004973	CNTT/20/5002	Đạt	
114	CNTT151	Nguyễn Văn Hiên	14/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG004974	CNTT/20/5003	Đạt	
115	CNTT152	Nguyễn Thị Thanh Hiên	19/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.0	DBG004975	CNTT/20/5004	Đạt	
116	CNTT153	Giáp Thị Hiệp	26/05/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.0	DBG004976	CNTT/20/5005	Đạt	
117	CNTT154	Nguyễn Xuân Hiệp	25/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	DBG004977	CNTT/20/5006	Đạt	
118	CNTT155	Đỗ Văn Hiếu	22/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG004978	CNTT/20/5007	Đạt	
119	CNTT156	Nguyễn Bá Hiếu	11/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG004979	CNTT/20/5008	Đạt	
120	CNTT157	Nguyễn Hữu Hiếu	29/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.0	DBG004980	CNTT/20/5009	Đạt	
121	CNTT158	Nguyễn Hữu Hiếu	08/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG004981	CNTT/20/5010	Đạt	
122	CNTT159	Nguyễn Thị Hương Hoa	01/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	DBG004982	CNTT/20/5011	Đạt	
123	CNTT160	Nguyễn Xuân Hoa	05/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	DBG004983	CNTT/20/5012	Đạt	
124	CNTT161	Nguyễn Bá Hòa	14/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG004984	CNTT/20/5013	Đạt	
125	CNTT162	Đỗ Thị Thanh Hoài	18/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG004985	CNTT/20/5014	Đạt	
126	CNTT163	Đỗ Tô Hoài	02/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	DBG004986	CNTT/20/5015	Đạt	
127	CNTT164	Vũ Thị Hoài	12/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG004987	CNTT/20/5016	Đạt	
128	CNTT165	Đặng Duy Hoan	11/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	DBG004988	CNTT/20/5017	Đạt	
129	CNTT166	Đỗ Văn Hoàng	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG004989	CNTT/20/5018	Đạt	
130	CNTT167	Nguyễn Huy Hoàng	27/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	DBG004990	CNTT/20/5019	Đạt	
131	CNTT168	Bùi Thị Huệ	27/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	DBG004991	CNTT/20/5020	Đạt	
132	CNTT169	Hoàng Quốc Hùng	13/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	DBG004992	CNTT/20/5021	Đạt	
133	CNTT170	Nguyễn Việt Hùng	26/06/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	DBG004993	CNTT/20/5022	Đạt	
134	CNTT171	Đỗ Gia Huy	03/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	DBG004994	CNTT/20/5023	Đạt	
135	CNTT172	Lê Thị Huyền	05/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	DBG004995	CNTT/20/5024	Đạt	
136	CNTT173	Nguyễn Thu Huyền	08/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.5	DBG004996	CNTT/20/5025	Đạt	
137	CNTT174	Nguyễn Thị Hương	16/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	6.0	DBG004997	CNTT/20/5026	Đạt	
138	CNTT175	Nguyễn Thị Hương	10/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG004998	CNTT/20/5027	Đạt	
139	CNTT176	Nguyễn Thị Ngọc Hương	03/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	DBG004999	CNTT/20/5028	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT177	Bùi Thị	Hường	08/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	DBG005000	CNTT/20/5029	Đạt	
141	CNTT178	Dương Thị	Hường	07/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	DBG005001	CNTT/20/5030	Đạt	
142	CNTT179	Lê Thị	Hường	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	DBG005002	CNTT/20/5031	Đạt	
143	CNTT180	Nguyễn Đình	Hường	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	DBG005003	CNTT/20/5032	Đạt	
144	CNTT181	Đỗ Đức	Hữu	13/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	DBG005004	CNTT/20/5033	Đạt	
145	CNTT182	Phạm Thị Hải	Khánh	02/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	DBG005005	CNTT/20/5034	Đạt	
146	CNTT183	Nguyễn Ngọc	Kiên	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.0	DBG005006	CNTT/20/5035	Đạt	
147	CNTT184	Nguyễn Văn	Kiên	21/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.0	DBG005007	CNTT/20/5036	Đạt	
148	CNTT185	Phạm Văn	Kim	11/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	DBG005008	CNTT/20/5037	Đạt	
149	CNTT186	Thân Thị	Lan	23/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	DBG005009	CNTT/20/5038	Đạt	
150	CNTT187	Nguyễn Thị	Lệ	11/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	DBG005010	CNTT/20/5039	Đạt	
151	CNTT188	Dương Thị Thùy	Linh	07/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.0	DBG005011	CNTT/20/5040	Đạt	
152	CNTT189	Lương Văn	Linh	16/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG005012	CNTT/20/5041	Đạt	
153	CNTT190	Nguyễn Thùy	Linh	27/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	DBG005013	CNTT/20/5042	Đạt	
154	CNTT191	Nguyễn Văn	Linh	23/05/2003	Bình Dương	Nam	Kinh	5.7	6.0	DBG005014	CNTT/20/5043	Đạt	
155	CNTT192	Phạm Thị	Linh	01/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	DBG005015	CNTT/20/5044	Đạt	
156	CNTT193	Phạm Thị	Linh	20/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	6.0	DBG005016	CNTT/20/5045	Đạt	
157	CNTT194	Phạm Thị	Loan	14/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	DBG005017	CNTT/20/5046	Đạt	
158	CNTT195	Nguyễn Văn	Long	10/04/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	DBG005018	CNTT/20/5047	Đạt	
159	CNTT196	Trần Văn	Long	22/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.0	DBG005019	CNTT/20/5048	Đạt	
160	CNTT197	Nguyễn Thị	Lụa	24/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.0	DBG005020	CNTT/20/5049	Đạt	
161	CNTT198	Nguyễn Thị	May	23/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.5	DBG005021	CNTT/20/5050	Đạt	
162	CNTT199	Nguyễn Quang	Minh	14/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG005022	CNTT/20/5051	Đạt	
163	CNTT200	Phạm Văn	Minh	23/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	DBG005023	CNTT/20/5052	Đạt	
164	CNTT201	Nguyễn Thị	My	11/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.5	DBG005024	CNTT/20/5053	Đạt	
165	CNTT202	Hà Duy	Nam	07/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG005025	CNTT/20/5054	Đạt	
166	CNTT203	Nguyễn Công	Nam	18/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG005026	CNTT/20/5055	Đạt	
167	CNTT204	Nguyễn Hoài	Nam	23/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	DBG005027	CNTT/20/5056	Đạt	
168	CNTT205	Nguyễn Thanh	Nam	12/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	DBG005028	CNTT/20/5057	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
169	CNTT206	Nguyễn Văn	Nam	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	DBG005029	CNTT/20/5058	Đạt	
170	CNTT207	Nguyễn Việt	Nam	21/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	DBG005030	CNTT/20/5059	Đạt	
171	CNTT208	Lê Thị	Nga	21/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.5	DBG005031	CNTT/20/5060	Đạt	
172	CNTT209	Nguyễn Thị Thu	Nga	12/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	DBG005032	CNTT/20/5061	Đạt	
173	CNTT210	Nguyễn Trọng	Nghĩa	07/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.5	DBG005033	CNTT/20/5062	Đạt	
174	CNTT211	Nguyễn Thị	Ngoan	21/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	DBG005034	CNTT/20/5063	Đạt	
175	CNTT212	Lương Hoàng	Nguyên	13/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	DBG005035	CNTT/20/5064	Đạt	
176	CNTT213	Nguyễn Quang	Nguyên	02/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	DBG005036	CNTT/20/5065	Đạt	
177	CNTT214	Nguyễn Thị	Nhung	14/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	6.0	DBG005037	CNTT/20/5066	Đạt	
178	CNTT215	Hoàng Thị	Nụ	16/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.0	DBG005038	CNTT/20/5067	Đạt	
179	CNTT216	Đỗ Danh	Phi	26/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG005039	CNTT/20/5068	Đạt	
180	CNTT217	Nguyễn Thị	Phương	29/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.0	DBG005040	CNTT/20/5069	Đạt	
181	CNTT218	Nguyễn Thu	Phương	18/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.0	DBG005041	CNTT/20/5070	Đạt	
182	CNTT219	Trần Thị Thanh	Phương	23/11/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.5	DBG005042	CNTT/20/5071	Đạt	
183	CNTT220	Vũ Minh	Quang	06/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	DBG005043	CNTT/20/5072	Đạt	
184	CNTT221	Nguyễn Hồng	Quân	22/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	DBG005044	CNTT/20/5073	Đạt	
185	CNTT222	Nguyễn Văn	Quý	12/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	DBG005045	CNTT/20/5074	Đạt	
186	CNTT223	Tổng Thị	Quyên	31/03/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.0	DBG005046	CNTT/20/5075	Đạt	
187	CNTT224	Bùi Xuân	Quyên	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	DBG005047	CNTT/20/5076	Đạt	
188	CNTT225	Nguyễn Thị	Sáu	01/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	5.5	DBG005048	CNTT/20/5077	Đạt	
189	CNTT226	Nguyễn Văn	Sĩ	03/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG005049	CNTT/20/5078	Đạt	
190	CNTT227	Nguyễn Văn	Sơn	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	DBG005050	CNTT/20/5079	Đạt	
191	CNTT228	Nguyễn Thị Minh	Thanh	10/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	DBG005051	CNTT/20/5080	Đạt	
192	CNTT229	Lương Văn	Thành	21/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	5.0	DBG005052	CNTT/20/5081	Đạt	
193	CNTT230	Nguyễn Văn	Thắng	12/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.0	DBG005053	CNTT/20/5082	Đạt	
194	CNTT231	Nguyễn Ngọc	Thế	23/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG005054	CNTT/20/5083	Đạt	
195	CNTT232	Đỗ Thị	Thom	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	DBG005055	CNTT/20/5084	Đạt	
196	CNTT233	Nguyễn Thị	Thom	18/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	5.5	DBG005056	CNTT/20/5085	Đạt	
197	CNTT234	Thân Văn	Thuận	07/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG005057	CNTT/20/5086	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
198	CNTT235	Đỗ Thị Thu	Thủy	20/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.0	DBG005058	CNTT/20/5087	Đạt	
199	CNTT236	Lê Xuân	Thủy	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG005059	CNTT/20/5088	Đạt	
200	CNTT237	Ngô Xuân	Thủy	26/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	DBG005060	CNTT/20/5089	Đạt	
201	CNTT238	Bùi Thị	Thư	16/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.7	5.0	DBG005061	CNTT/20/5090	Đạt	
202	CNTT239	Nguyễn Đức	Thường	30/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	DBG005062	CNTT/20/5091	Đạt	
203	CNTT240	Nguyễn Văn	Tiến	31/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	DBG005063	CNTT/20/5092	Đạt	
204	CNTT241	Nguyễn Xuân	Tiến	30/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG005064	CNTT/20/5093	Đạt	
205	CNTT242	Phạm Văn	Tiến	08/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	DBG005065	CNTT/20/5094	Đạt	
206	CNTT243	An Văn	Tiền	21/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG005066	CNTT/20/5095	Đạt	
207	CNTT244	Phạm Thị	Tình	11/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.2	5.5	DBG005067	CNTT/20/5096	Đạt	
208	CNTT245	Diêm Đức	Toán	17/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	DBG005068	CNTT/20/5097	Đạt	
209	CNTT246	Ngô Văn	Tới	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG005069	CNTT/20/5098	Đạt	
210	CNTT247	Tổng Văn	Tới	30/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	6.0	DBG005070	CNTT/20/5099	Đạt	
211	CNTT248	Hà Huyền	Trang	27/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	DBG005071	CNTT/20/5100	Đạt	
212	CNTT249	Nguyễn Thị	Trang	12/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	5.0	DBG005072	CNTT/20/5101	Đạt	
213	CNTT250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	6.0	DBG005073	CNTT/20/5102	Đạt	
214	CNTT251	Nguyễn Như	Triều	09/03/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.0	DBG005074	CNTT/20/5103	Đạt	
215	CNTT252	Nguyễn Xuân	Trình	02/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	5.5	DBG005075	CNTT/20/5104	Đạt	
216	CNTT253	Nguyễn Công	Trọng	29/01/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	6.0	DBG005076	CNTT/20/5105	Đạt	
217	CNTT254	Nguyễn Xuân	Trường	05/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	5.5	DBG005077	CNTT/20/5106	Đạt	
218	CNTT255	Trương Viết	Trường	17/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG005078	CNTT/20/5107	Đạt	
219	CNTT256	Nguyễn Công	Tú	16/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG005079	CNTT/20/5108	Đạt	
220	CNTT257	Trần Việt	Tú	20/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.2	6.0	DBG005080	CNTT/20/5109	Đạt	
221	CNTT258	Trần Thanh	Tuân	06/06/2003	Thái Bình	Nam	Kinh	6.0	6.0	DBG005081	CNTT/20/5110	Đạt	
222	CNTT259	Đỗ Anh	Tuấn	14/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	5.5	DBG005082	CNTT/20/5111	Đạt	
223	CNTT260	Trần Anh	Tùng	16/08/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG005083	CNTT/20/5112	Đạt	
224	CNTT261	Nguyễn Văn	Tuyến	06/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG005084	CNTT/20/5113	Đạt	
225	CNTT262	Ngô Thị	Vân	19/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.0	6.0	DBG005085	CNTT/20/5114	Đạt	
226	CNTT263	Hoàng Văn	Việt	25/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	DBG005086	CNTT/20/5115	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
227	CNTT264	Trần Văn Quốc	Việt	14/12/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.0	DBG005087	CNTT/20/5116	Đạt	
228	CNTT265	Đỗ Văn	Vững	22/08/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.0	DBG005088	CNTT/20/5117	Đạt	
229	CNTT266	Hoàng Hải	Yến	15/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.5	5.5	DBG005089	CNTT/20/5118	Đạt	
230	CNTT267	Hồ Thị	Bền	01/01/1978	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.0	DBG005090	CNTT/20/5119	Đạt	
231	CNTT268	Mông Văn	Chiến	08/11/1976	Lạng Sơn	Nam	Mông	7.7	7.0	DBG005091	CNTT/20/5120	Đạt	
232	CNTT269	Dương Thị	Chính	23/12/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.0	DBG005092	CNTT/20/5121	Đạt	
233	CNTT270	Linh Đức	Cường	06/05/1980	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.5	DBG005093	CNTT/20/5122	Đạt	
234	CNTT272	Lăng Thị Kim	Dung	12/01/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	DBG005094	CNTT/20/5123	Đạt	
235	CNTT273	Nguyễn Doãn	Dũng	21/09/1990	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	7.0	DBG005095	CNTT/20/5124	Đạt	
236	CNTT274	Lục Thùy	Dương	17/07/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	DBG005096	CNTT/20/5125	Đạt	
237	CNTT275	Nguyễn Thị	Đào	15/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	DBG005097	CNTT/20/5126	Đạt	
238	CNTT276	Hoàng Trọng	Điệp	29/07/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.0	7.5	DBG005098	CNTT/20/5127	Đạt	
239	CNTT277	Hoàng Văn	Hoan	05/06/1997	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	6.5	DBG005099	CNTT/20/5128	Đạt	
240	CNTT278	Lương Mạnh	Hoàn	16/11/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	7.0	DBG005100	CNTT/20/5129	Đạt	
241	CNTT279	Hoàng Thị	Huyền	19/05/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.5	DBG005101	CNTT/20/5130	Đạt	
242	CNTT280	Lục Văn	Huỳnh	26/03/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	7.5	DBG005102	CNTT/20/5131	Đạt	
243	CNTT281	Hoàng Duy	Khánh	02/09/1983	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	7.0	DBG005103	CNTT/20/5132	Đạt	
244	CNTT282	Nông Thị	Lá	06/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.5	DBG005104	CNTT/20/5133	Đạt	
245	CNTT283	Hoàng Thị Mai	Loan	30/12/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	DBG005105	CNTT/20/5134	Đạt	
246	CNTT284	Lâm Thị	Lườn	04/10/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.5	DBG005106	CNTT/20/5135	Đạt	
247	CNTT285	Bé Thị	Minh	04/07/1973	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	DBG005107	CNTT/20/5136	Đạt	
248	CNTT286	Hoàng Thị	Nhân	23/11/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.5	DBG005108	CNTT/20/5137	Đạt	
249	CNTT287	Lăng Thị	Phòng	12/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	DBG005109	CNTT/20/5138	Đạt	
250	CNTT288	Nguyễn Văn	Tài	08/01/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	DBG005110	CNTT/20/5139	Đạt	
251	CNTT289	Hứa Văn	Thỏa	17/11/1975	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	7.0	DBG005111	CNTT/20/5140	Đạt	
252	CNTT290	Hoàng Thị	Thoi	20/10/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	DBG005112	CNTT/20/5141	Đạt	
253	CNTT291	Nguyễn Xuân	Trường	16/09/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.5	DBG005113	CNTT/20/5142	Đạt	
254	CNTT292	Hồ Thị	Út	28/12/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.0	DBG005114	CNTT/20/5143	Đạt	
255	CNTT293	Linh Thị	Vân	31/10/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	DBG005115	CNTT/20/5144	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
256	CNTT294	Nông Thị Vân	22/02/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.5	DBG005116	CNTT/20/5145	Đạt	
257	CNTT295	Vy Thị Xuân	06/02/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.2	7.0	DBG005117	CNTT/20/5146	Đạt	
258	CNTT296	Hoàng Minh Chánh	13/12/1975	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.5	DBG005118	CNTT/20/5147	Đạt	
259	CNTT297	Đặng Quỳnh Châu	28/03/1987	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	6.0	DBG005119	CNTT/20/5148	Đạt	
260	CNTT298	Linh Văn Giáp	17/10/1974	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.7	7.0	DBG005120	CNTT/20/5149	Đạt	
261	CNTT299	Hoàng Thị Phong Hằng	19/12/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	6.5	DBG005121	CNTT/20/5150	Đạt	
262	CNTT300	Vi Văn Hiền	08/02/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	7.0	DBG005122	CNTT/20/5151	Đạt	
263	CNTT301	Lâm Thị Kim Huệ	14/03/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	7.0	DBG005123	CNTT/20/5152	Đạt	
264	CNTT302	Nông Thị Hường	23/05/1973	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.0	DBG005124	CNTT/20/5153	Đạt	
265	CNTT303	Đàm Thị In	04/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	7.0	DBG005125	CNTT/20/5154	Đạt	
266	CNTT304	Vi Minh Khánh	09/03/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.0	7.0	DBG005126	CNTT/20/5155	Đạt	
267	CNTT305	Chu Thúy Linh	23/07/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.5	DBG005127	CNTT/20/5156	Đạt	
268	CNTT306	Hoàng Thị Loan	26/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	DBG005128	CNTT/20/5157	Đạt	
269	CNTT307	Linh Thị Nguyệt	29/02/1976	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	DBG005129	CNTT/20/5158	Đạt	
270	CNTT308	Vy Đa Rin	31/10/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.0	DBG005130	CNTT/20/5159	Đạt	
271	CNTT309	Nguyễn Kim Thanh	15/07/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.5	DBG005131	CNTT/20/5160	Đạt	
272	CNTT310	Đào Trung Thành	18/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Kinh	8.0	7.0	DBG005132	CNTT/20/5161	Đạt	
273	CNTT311	Vi Thị Thu Thỏa	18/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	DBG005133	CNTT/20/5162	Đạt	
274	CNTT312	Hoàng Thị Thúy Thơ	12/04/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	7.0	DBG005134	CNTT/20/5163	Đạt	
275	CNTT313	Lê Thị Hoài Thu	09/08/1987	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.7	7.0	DBG005135	CNTT/20/5164	Đạt	
276	CNTT314	Hoàng Thị Ngọc Thúy	23/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.2	7.0	DBG005136	CNTT/20/5165	Đạt	
277	CNTT315	Nông Thị Thượng	12/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	DBG005137	CNTT/20/5166	Đạt	
278	CNTT316	Hồ Thị Tiệp	08/01/1982	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	7.5	DBG005138	CNTT/20/5167	Đạt	
279	CNTT317	Nguyễn Thị Tình	12/08/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	DBG005139	CNTT/20/5168	Đạt	
280	CNTT318	Đàm Thị Trâm	12/05/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	7.5	DBG005140	CNTT/20/5169	Đạt	
281	CNTT319	Hoàng Văn Tuyển	30/11/1975	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.0	DBG005141	CNTT/20/5170	Đạt	
282	CNTT320	Bùi Thị Tuyển	06/10/1985	Lạng Sơn	Nữ	Mường	7.7	7.0	DBG005142	CNTT/20/5171	Đạt	
283	CNTT321	Vi Thị Khánh Vân	05/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.5	DBG005143	CNTT/20/5172	Đạt	
284	CNTT322	Nông Thị Xuân	28/09/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.7	7.0	DBG005144	CNTT/20/5173	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
285	CNTT323	Vy Thúy	Yến	24/10/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	DBG005145	CNTT/20/5174	Đạt	
286	CNTT324	Vi Thúy	An	20/05/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	7.0	DBG005146	CNTT/20/5175	Đạt	
287	CNTT325	Vy Minh	Bang	28/09/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	7.5	DBG005147	CNTT/20/5176	Đạt	
288	CNTT326	Vi Thị	Bình	11/04/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	7.0	DBG005148	CNTT/20/5177	Đạt	
289	CNTT327	Hoàng Thị	Chung	08/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7.5	7.0	DBG005149	CNTT/20/5178	Đạt	
290	CNTT328	Nông Văn	Đạt	10/05/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.5	DBG005150	CNTT/20/5179	Đạt	
291	CNTT329	Chu Văn	Hiền	09/05/1971	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	7.5	DBG005151	CNTT/20/5180	Đạt	
292	CNTT330	Nguyễn Quang	Hiếu	26/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.0	5.5	DBG005152	CNTT/20/5181	Đạt	
293	CNTT331	Dương Thị	Hòa	01/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Dao	8.0	7.0	DBG005153	CNTT/20/5182	Đạt	
294	CNTT332	Vy Thị	Hợp	05/12/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	7.0	DBG005154	CNTT/20/5183	Đạt	
295	CNTT333	Nông Thị	Hung	17/09/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	7.0	DBG005155	CNTT/20/5184	Đạt	
296	CNTT334	Hoàng Thị	Hương	26/03/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.0	DBG005156	CNTT/20/5185	Đạt	
297	CNTT335	Nông Thị	Hương	15/05/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	7.5	DBG005157	CNTT/20/5186	Đạt	
298	CNTT336	Hà Thị	Ký	26/10/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8.0	7.0	DBG005158	CNTT/20/5187	Đạt	
299	CNTT337	Hoàng Việt	Long	02/08/1973	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	7.0	DBG005159	CNTT/20/5188	Đạt	
300	CNTT338	Lý Thị	Luyến	07/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.2	6.5	DBG005160	CNTT/20/5189	Đạt	
301	CNTT339	Triệu Thị Ly	Ly	14/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.5	DBG005161	CNTT/20/5190	Đạt	
302	CNTT340	Hoàng Thúy	Mơ	12/12/1983	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	5.5	DBG005162	CNTT/20/5191	Đạt	
303	CNTT341	Phan Thị	Mơ	02/09/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	5.5	DBG005163	CNTT/20/5192	Đạt	
304	CNTT342	Luân Thúy	Nga	06/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.0	DBG005164	CNTT/20/5193	Đạt	
305	CNTT343	Lương Duy	Nghĩa	02/03/1979	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	7.0	DBG005165	CNTT/20/5194	Đạt	
306	CNTT344	Chu Thị	Phương	02/07/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	6.0	DBG005166	CNTT/20/5195	Đạt	
307	CNTT345	Vũ Thị	San	12/12/1968	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7.2	6.0	DBG005167	CNTT/20/5196	Đạt	
308	CNTT346	Lộc Quang	Thịnh	20/05/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	5.5	DBG005168	CNTT/20/5197	Đạt	
309	CNTT347	Lành Thị	Thống	02/06/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	DBG005169	CNTT/20/5198	Đạt	
310	CNTT348	Vi Thị	Thơ	03/08/1968	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.0	DBG005170	CNTT/20/5199	Đạt	
311	CNTT349	Hoàng Thị	Thơm	24/03/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	DBG005171	CNTT/20/5200	Đạt	
312	CNTT350	Đường Thị	Thu	23/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	5.5	DBG005172	CNTT/20/5201	Đạt	
313	CNTT351	Lộc Đức	Thuận	27/10/1988	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.0	DBG005173	CNTT/20/5202	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
314	CNTT352	Hoàng Thị Thùy	19/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.0	6.0	DBG005174	CNTT/20/5203	Đạt	
315	CNTT353	Nông Văn Trung	13/03/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.0	DBG005175	CNTT/20/5204	Đạt	
316	CNTT354	Nông Thị Việt	09/01/1967	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.2	6.0	DBG005176	CNTT/20/5205	Đạt	
317	CNTT355	Nguyễn Văn Dân	01/09/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.0	8.0	DBG005177	CNTT/20/5206	Đạt	
318	CNTT356	Âu Thị Hoa	29/10/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.5	DBG005178	CNTT/20/5207	Đạt	
319	CNTT357	Hoàng Thị Yến	08/01/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.7	6.0	DBG005179	CNTT/20/5208	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 319

Bắc Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Nguyễn Ngọc Quang

